

Án số: 21/2022/DS-ST

Ngày 14 tháng 12 năm 2022

“ *V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Lương Hồng

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quang Chử

Ông Nguyễn Thanh Bình

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái – Cán bộ Tòa án

Đại diện VKS tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2022/TLST-DS ngày 17/10/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXX - DS ngày 21/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS ngày 06/12/2022 giữa các đương sự:

- **N đơn:** Anh Trần Văn N, sinh năm 1972

Trú tại: Ấp TX, xã LH, Gò Công, tỉnh Tiền Giang

Anh N ủy quyền cho: Đặng Thị M, sinh năm 1975 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp Long Bình, Yên Luông, Gò Công Tây, Tiền Giang

- **Bị đơn:** Chị Hoàng Thị Tuyết N, sinh năm 1975 (có mặt)

Trú tại: Ấp T1, HQ, An Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người được N đơn ủy quyền trình bày: Ngày 01/1/2017 anh N có cho chị N vay số tiền 320.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/ tháng tại nhà của chị Trần Thị Yên, chị N có viết giấy vay tiền thể hiện lãi suất 1,5%/ năm, thời hạn vay 02 năm. Đến hạn anh N đã đòi nhiều lần nhưng chị N không trả. Nay anh N khởi kiện chỉ yêu cầu chị N phải trả số tiền nợ gốc là 320.000.000 đồng và lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 01/1/2017 cho đến ngày xét xử.

Lời khai của chị N thể hiện: Ngày 01/1/2017 theo lịch âm, chị vợ vay của anh N số tiền 320.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/ năm, thời hạn vay 02 năm. Đến hạn trả nhưng do làm ăn thua lỗ nên đến nay chị vẫn chưa trả được nợ gốc, lãi theo thỏa thuận. Anh N khởi kiện chị đòi số tiền nợ gốc đã vay là 320.000.000 đồng chị nhất

trí nhưng đối với lãi suất 1%/ tháng chị không đồng ý mà tính theo lãi suất 1,5%/ năm theo giấy vay tiền chị đã viết.

Chị Trần Thị Yến trình bày: Chị là em gái của anh N, do anh N bán được mảnh đất tại quê nên có tiền gửi Ngân hàng, chị N biết và có hỏi vay anh N tiền, do có quan hệ họ hàng nên anh N đồng ý cho chị N vay số tiền 320.000.000 đồng, chia làm hai lần, lần 1 ngày 01/5/2016 chị N vay 150.000.000 đồng nhưng đã trả 80.000.000 đồng, lần hai vay ngày 01/1/2017 số tiền 250.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 320.000.000 đồng, lãi suất 1%/ tháng nhưng trong giấy vay tiền chị N viết là 1,5%/ năm.

Tại phiên tòa:

Do chị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, còn chị N có mặt nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh N về việc trả nợ gốc, còn lãi chị N chỉ trả theo giấy vay tiền đề ngày 01/1/2017 là 1,5%/ năm. Căn cứ khoản khoản 1 Điều 228, xét xử vắng mặt N đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật TTDS. Điều 274, khoản 1 điều 275, điều 280, Điều 385, Điều 401, 463, 465, 466, Điều 468 BLDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn N:

Buộc chị N có trách nhiệm thanh toán cho anh N số tiền nợ gốc 320.000.000 đồng; lãi theo thỏa thuận từ ngày 01/01/2017 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

-Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. N chị N có đơn xin giảm án phí vì điều kiện khó khăn có xác nhận của UBND xã Hồng Quang vì vậy HĐXX căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 giảm một phần án phí cho chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh N khởi kiện yêu cầu chị N, anh Long thanh toán khoản tiền vay 320.000.000 đồng, lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 01/1/2017 (âm lịch) cho đến ngày 14/12/2022 theo giấy vay tiền ngày 01/1/2017, tuy nhiên ngày

27/10/2022 chị M (người được anh N ủy quyền) rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Long nên bị đơn là chị N có nơi cư trú tại ẤT1, HQ, Ân Thi, Hưng Yên được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh N:

2.1 Khoản vay tiền tại giấy vay ngày 01/1/2017 (âm lịch) tương đương ngày 28/01/2017 (dương lịch) Chị N có vay của anh N số tiền là 320.000.000 đồng, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 2 năm, lãi suất 1,5%/ năm, đến nay đã quá thời hạn trả mà chị N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết. Do đó, anh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N phải trả tiền gốc là 320.000.000đ và lãi 1%/ tháng kể từ ngày 28/01/2017. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thể hiện: Ngày 28/01/2017 (tức ngày 01/1/2017 âm lịch), anh N có cho chị N vay 320.000.000đ, khi vay chị N có viết giấy vay mượn, có chữ ký của chị N nên việc anh N có yêu cầu buộc chị N trả số tiền vay là có căn cứ. Mặc dù, trong giấy vay tiền thể hiện có đưa thêm cho chị N 10.000.000 đồng, tổng số tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng, nhưng đơn khởi kiện của anh N chỉ đòi 320.000.000 đồng là quyền của anh N. Về yêu cầu tính lãi, quá trình giải quyết vụ án đại diện của N đơn yêu cầu chị N phải trả lãi 1%/ tháng nhưng tại phiên tòa chị N không đồng ý trả lãi là 1%/ tháng mà chỉ chấp nhận trả lãi theo thỏa thuận trong giấy vay tiền đề ngày 01/1/2017 là 1,5%/ năm, vì vậy không có căn cứ tính lãi là 1%/ tháng để buộc chị N phải trả cho anh N, lãi suất 1,5%/ năm kể từ ngày 28/01/2017 đến ngày 14/12/2022 (là 05 năm, 10 tháng 16 ngày) với số tiền là 320.000.000đ là phù hợp với Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn nên N đơn không phải chịu án phí, hoàn trả N đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí, bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án). Tuy nhiên chị N có đơn xin giảm một phần án phí vì lý do khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên giảm một phần án phí cho chị N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của BLTTDS; Điều 274, khoản 1 điều 275, điều 280, Điều 385, Điều 401, 463, 465, 466, Điều 468 BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn N: Buộc chị N có trách nhiệm thanh toán cho anh N số tiền tính đến ngày 14/12/2022: Nợ gốc 320.000.000 đồng; lãi là 320.000.000 x 400.000 đồng/ tháng x 5 năm 10 tháng 16 ngày = 28.213.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.410.650 đồng, giảm 50% số tiền án phí DSST cho chị N. Chị N còn phải chịu án phí là 8.705.325 đồng.

Hoàn trả anh N số tiền 8.000.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0003224 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ân Thi;
- Các đương sự
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Lương Hồng

